

Tri thức bản địa trong khai thác, sử dụng cây chè Shan
(*Camellia sinensis* var. shan) cổ thụ Núi Bồng, tỉnh Thái Nguyên

Nguyễn Công Hoan¹, Cao Thị Thu Hiền^{2*}, Trần Quốc Hưng¹, Lê Sỹ Hồng¹, Đặng Thị Thu Hà¹

¹Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

²Trường Đại học Lâm nghiệp

Indigenous knowledge in the exploitation and use of ancient
Camellia sinensis var. shan trees in Nui Bong mountain, Thai Nguyen province

Nguyen Cong Hoan¹, Cao Thi Thu Hien^{2*}, Tran Quoc Hung¹, Le Sy Hong¹, Dang Thi Thu Ha¹

¹Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

²Vietnam National University of Forestry

*Corresponding author: hienctt@vnuf.edu.vn

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.15.4.2026.050-057>

TÓM TẮT

Tri thức bản địa đóng vai trò quan trọng trong quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, đặc biệt đối với các loài cây có giá trị sinh thái, kinh tế và văn hóa cao. Nghiên cứu này được thực hiện tại xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên, nơi còn tồn tại quần thể chè Shan (*Camellia sinensis* var. shan) cổ thụ phân bố tự nhiên ở độ cao trên 700 m, nhằm làm rõ nhận thức, kinh nghiệm và tri thức bản địa của cộng đồng người Tày trong khai thác, sử dụng và bảo vệ loài cây này. Phương pháp nghiên cứu là đánh giá nhanh nông thôn, kết hợp khảo sát thực địa và phỏng vấn 30 hộ dân địa phương và 30 cán bộ quản lý, kỹ thuật tại địa bàn. Kết quả cho thấy, cộng đồng người Tày sở hữu hệ thống tri thức bản địa phong phú, thể hiện rõ trong các khâu thu hái, chế biến và bảo quản chè Shan. So với nhóm cán bộ, người dân có mức độ tiếp xúc thực tế cao hơn và hiểu biết sâu sắc hơn về đặc điểm sinh thái, giá trị làm thuốc và chu kỳ sinh trưởng của cây chè Shan. Nghiên cứu khẳng định việc kết hợp tri thức bản địa với khoa học hiện đại là cơ sở quan trọng cho bảo tồn, phát triển sinh kế bền vững và gìn giữ giá trị văn hóa gắn với cây chè Shan cổ thụ tại khu vực nghiên cứu.

ABSTRACT

Indigenous knowledge plays a crucial role in the management, exploitation, and sustainable use of forest resources, particularly for plant species with high ecological, economic, and cultural values. This study was conducted in Duc Luong commune, Thai Nguyen province, where a naturally distributed population of ancient Shan tea trees (*Camellia sinensis* var. shan) persists at elevations above 700 m, with the aim of elucidating the perceptions, experiences, and indigenous knowledge of the Tay ethnic community in the utilization, management, and conservation of this species. The study employed a rapid rural appraisal approach, combined with field surveys and interviews with 30 local households and 30 management and technical staff working in the area. The results indicate that the Tay community possesses a rich system of indigenous knowledge, which is clearly reflected in practices related to harvesting, processing, and storage of Shan tea. Compared with the group of officials, local people have a higher level of direct practical engagement and a more profound understanding of the ecological characteristics, medicinal values, and growth cycle of Shan tea trees. The

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 02/01/2026

Ngày phản biện: 04/02/2026

Ngày quyết định đăng: 27/02/2026

Từ khóa:

Chè Shan cổ thụ, chế biến chè, dân tộc Tày, tỉnh Thái Nguyên, tri thức bản địa.

Keywords:

Ancient Shan tea tree, indigenous knowledge, Tay ethnic group, tea processing, Thai Nguyen province.

study confirms that integrating indigenous knowledge with modern scientific approaches provides an important foundation for conservation, sustainable livelihood development, and the preservation of cultural values associated with ancient Shan tea trees in the study area.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chè Shan (*Camellia sinensis* var. shan) thuộc họ Chè (Theaceae), là loài cây thân gỗ phân bố chủ yếu ở các vùng núi cao, có điều kiện khí hậu mát mẻ, độ ẩm lớn và lượng mưa tương đối cao. Loài cây này sinh trưởng tốt trong khoảng nhiệt độ 18 - 25°C, độ ẩm không khí 75 - 80%, lượng mưa trung bình 1.500 - 2.000 mm/năm và thường phân bố ở những khu vực có sương mù [1-4]. Với đặc điểm sinh thái thích nghi cao, tuổi thọ dài và giá trị đa dạng về sinh thái, kinh tế và văn hóa, chè Shan cổ thụ từ lâu đã gắn bó mật thiết với đời sống, sinh kế, tập quán canh tác và tri thức y học dân gian của các cộng đồng dân tộc vùng núi phía Bắc Việt Nam [5-7].

Xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên là khu vực còn lưu giữ quần thể chè Shan cổ thụ Núi Bóng phân bố tự nhiên ở độ cao trên 700 m, trong kiểu rừng hỗn giao vầu – gỗ, với nhiều cá thể có tuổi đời hàng trăm năm. Đây là nguồn tài nguyên sinh học có giá trị cao về đa dạng sinh học, cảnh quan sinh thái và tiềm năng phát triển sản phẩm chè đặc sản gắn với sinh kế và du lịch sinh thái địa phương. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, dưới tác động của biến đổi khí hậu, suy giảm rừng tự nhiên và các hoạt động khai thác mang tính tự phát, quần thể chè Shan cổ thụ đang đối mặt với nguy cơ suy thoái cả về số lượng và chất lượng [5, 8]. Mặc dù cộng đồng địa phương đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong nhận biết, thu hái, chế biến và bảo quản chè Shan cổ thụ, công tác bảo tồn và nhân giống hiện nay vẫn còn hạn chế, chủ yếu dựa vào tái sinh tự nhiên [7-10].

Trong thời gian qua, nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò của hệ tri thức cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng và phát triển nông - lâm nghiệp bền vững ở vùng trung du và miền núi phía Bắc [1, 8-10]. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung ở mức độ khái quát hoặc phân tích riêng lẻ các khía cạnh

sinh thái và kinh tế của cây chè, trong khi còn thiếu những nghiên cứu chuyên sâu làm rõ nội dung kiến thức địa phương gắn với từng khâu cụ thể trong khai thác và sử dụng chè Shan cổ thụ, cũng như sự khác biệt giữa kinh nghiệm truyền thống và tri thức quản lý - kỹ thuật hiện hành. Bên cạnh đó, giá trị làm thuốc của chè Shan cổ thụ, vốn được cộng đồng địa phương thừa nhận và thực hành lâu dài, vẫn chưa được hệ thống hóa và đánh giá đầy đủ dưới góc độ khoa học [4, 5].

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ nhận thức, kiến thức và kinh nghiệm của cộng đồng người Tày trong khai thác, sử dụng và bảo vệ cây chè Shan cổ thụ tại Núi Bóng, xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên, đồng thời so sánh mức độ hiểu biết giữa người dân địa phương và nhóm cán bộ quản lý, kỹ thuật. Qua đó, nghiên cứu làm rõ vai trò bổ trợ của tri thức bản địa trong bảo tồn nguồn gen, phát triển sinh kế và gìn giữ giá trị văn hóa gắn với chè Shan cổ thụ, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho các mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Vật liệu nghiên cứu là quần thể cây chè Shan (*Camellia sinensis* var. shan) cổ thụ phân bố tự nhiên tại khu vực Núi Bóng, xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên, cùng với hệ thống tri thức bản địa của cộng đồng người Tày liên quan đến khai thác, sử dụng và bảo vệ loài cây này. Nghiên cứu tập trung vào các tri thức bản địa thể hiện trong các khâu thu hái, chế biến, bảo quản và nhận thức về giá trị sinh thái, kinh tế và làm thuốc của chè Shan cổ thụ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Đặc điểm khu vực nghiên cứu

Khu vực nghiên cứu nằm tại Núi Bóng, xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên, nơi còn tồn tại

quần thể chè Shan cổ thụ phân bố ở độ cao từ khoảng 640 - 850 m so với mực nước biển. Từ tháng 7 năm 2025, xã Đức Lương được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã Minh Tiến, Đức Lương và Phúc Lương (huyện Đại Từ cũ). Năm 2025, xã Đức Lương có diện tích tự nhiên khoảng 60,90 km² và dân số 13.181 người.

Khu vực Núi Bóng có điều kiện tự nhiên đặc trưng của vùng trung du miền núi phía Bắc, với địa hình đồi núi thấp xen kẽ núi cao, độ dốc phổ biến từ 15° - 28°, một số nơi trên 30°. Khí hậu mang tính cận nhiệt đới ẩm, nhiệt độ trung bình năm dao động từ 22 - 27°C, độ ẩm không khí trung bình 70 - 80%. Thảm thực vật chủ yếu là kiểu rừng hỗn giao vầu - gỗ, tạo điều kiện sinh thái thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của chè Shan cổ thụ.

Đây cũng là khu vực cư trú lâu đời của đồng bào dân tộc Tày, với sinh kế chủ yếu dựa vào nông - lâm nghiệp. Cộng đồng địa phương có kinh nghiệm truyền thống trong khai thác và sử dụng chè Shan cổ thụ, hình thành hệ thống tri thức bản địa gắn với điều kiện sinh thái rừng tự nhiên.

2.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (PRA), kết hợp khảo sát thực địa và phỏng vấn bán cấu trúc nhằm thu thập thông tin về tri thức bản địa và nhận thức của các nhóm đối tượng liên quan đến cây chè Shan cổ thụ. Tổng số 60 người được phỏng vấn, bao gồm hai nhóm chính: (i) 30 hộ dân địa phương là người dân tộc Tày và (ii) 30 cán bộ quản lý, kỹ thuật có liên quan đến cây chè và tài nguyên rừng tại khu vực nghiên cứu.

Việc lựa chọn cỡ mẫu 30 người cho mỗi nhóm được thực hiện trên cơ sở logic khoa học của phương pháp PRA, trong đó mục tiêu không nhằm đại diện thống kê cho toàn bộ dân số mà tập trung làm rõ chiều sâu tri thức, kinh nghiệm và nhận thức của các nhóm có liên quan trực tiếp đến đối tượng nghiên cứu. Quy mô mẫu này được xem là phù hợp để thu thập thông tin định tính có độ tin cậy, đồng thời cho

phép so sánh nhận thức giữa hai hệ tri thức: tri thức bản địa của cộng đồng địa phương và tri thức quản lý - kỹ thuật hiện hành.

Nhóm cán bộ được lựa chọn bao gồm cán bộ nông - lâm nghiệp xã, kiểm lâm địa bàn, cán bộ Hội chè và cán bộ quản lý địa phương, đáp ứng các tiêu chí: (i) có thời gian công tác tại địa bàn từ 3 năm trở lên; (ii) có liên quan trực tiếp đến quản lý, bảo tồn, sản xuất hoặc phát triển cây chè và tài nguyên rừng; (iii) có hiểu biết về chính sách, kỹ thuật hoặc quy hoạch liên quan đến chè Shan cổ thụ. Nhóm hộ dân được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích, ưu tiên những người: (i) là người dân tộc Tày sinh sống lâu năm tại địa phương; (ii) có kinh nghiệm trực tiếp trong khai thác, sử dụng hoặc chế biến chè Shan cổ thụ; (iii) được cộng đồng thừa nhận là người am hiểu về cây chè hoặc thường xuyên tham gia các hoạt động liên quan.

Nghiên cứu được triển khai trong năm 2025 với ba đợt khảo sát thực địa chính, nhằm thu thập, bổ sung và kiểm chứng thông tin. Việc bố trí thời gian điều tra phù hợp với mùa vụ thu hái chè tại địa phương giúp bảo đảm dữ liệu phản ánh đúng thực tiễn sản xuất và tri thức bản địa đang được áp dụng.

2.2.3. Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

Các thông tin thu thập từ phiếu điều tra, phỏng vấn và quan sát thực địa được tổng hợp và xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả. Các chỉ tiêu được phân tích chủ yếu dưới dạng tỷ lệ phần trăm (%) nhằm so sánh mức độ hiểu biết, nhận thức và kinh nghiệm giữa nhóm hộ dân và nhóm cán bộ. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích và tổng hợp định tính được sử dụng để hệ thống hóa các tri thức bản địa tiêu biểu trong khai thác, chế biến và bảo quản chè Shan cổ thụ.

Do đặc thù của phương pháp PRA và cách chọn mẫu có chủ đích, nghiên cứu không nhằm suy rộng kết quả cho toàn bộ cộng đồng người Tày hoặc các khu vực có chè Shan cổ thụ khác. Tuy nhiên, việc kết hợp nhiều phương pháp thu thập dữ liệu, thực hiện khảo sát lặp lại và đối chiếu chéo thông tin giữa các nhóm đối tượng

giúp nâng cao độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Sự hiểu biết của người dân, cán bộ về cây chè Shan cổ thụ tại khu vực nghiên cứu

Kết quả điều tra so sánh mức độ hiểu biết giữa nhóm hộ dân địa phương và nhóm cán bộ quản lý - kỹ thuật về cây chè Shan cổ thụ tại khu vực nghiên cứu được tổng hợp tại Bảng 1. Nhìn chung, cả hai nhóm đều có nhận thức tương đối cao về sự tồn tại, tính quý hiếm và sự cần thiết phải bảo tồn tại chỗ đối với quần thể chè Shan cổ thụ Núi Bóng. Tuy nhiên, mức độ hiểu biết và chiều sâu tri thức giữa hai nhóm có sự khác biệt rõ rệt ở một số nội dung then chốt.

Về mức độ tiếp xúc thực tế, tỷ lệ hộ dân từng gặp và tiếp xúc trực tiếp với cây chè Shan cổ thụ

trong rừng tự nhiên đạt 70,0%, cao hơn đáng kể so với nhóm cán bộ (43,3%). Người dân mô tả khá chi tiết đặc điểm hình thái và sinh cảnh của cây, cho rằng chè Shan cổ thụ là cây gỗ nhỏ đến gỗ lớn, có chiều cao trên 20 m, thân to, phân bố rải rác trong rừng hỗn giao vầu - gỗ. Trong khi đó, mặc dù 96,7% cán bộ biết đến quần thể chè Shan cổ thụ Núi Bóng, song phần lớn thông tin được tiếp cận gián tiếp thông qua tài liệu chuyên môn hoặc công tác quản lý. Sự khác biệt này phản ánh đặc trưng của tri thức bản địa - được hình thành chủ yếu từ quá trình thực hành và gắn chặt với sinh kế hằng ngày, trong khi tri thức quản lý - kỹ thuật mang tính khái quát và ít gắn với trải nghiệm thực địa.

Bảng 1. So sánh mức độ hiểu biết của người dân và cán bộ về cây chè Shan cổ thụ

Nội dung đánh giá	Người dân (%)	Cán bộ (%)	Nhận xét
Biết đến cây chè Shan cổ thụ	100	96,7	Cả cộng đồng đều có nhận thức cao, do cây gắn với đời sống bản địa
Đã gặp cây ngoài tự nhiên	70,0	43,3	Người dân có trải nghiệm tiếp xúc trực tiếp nhiều hơn cán bộ
Cây có phân bố rải rác và hiếm	93,0	93,3	Tương đồng; cho thấy nhận thức chung về tính quý hiếm
Búp và lá chè cổ thụ chủ yếu dùng làm trà	100	96,7	Công dụng được công nhận rộng rãi
Chè cổ thụ có giá trị làm thuốc	61,0	16,7	Người dân có tri thức bản địa sâu hơn về công dụng y học
Khả năng nhân giống là khó	73,0	66,7	Cả hai nhóm đều nhận thức khó khăn trong nhân giống vô tính/hữu tính
Công tác bảo tồn tại chỗ	100	100	Đây là yêu cầu bức thiết và thống nhất cao

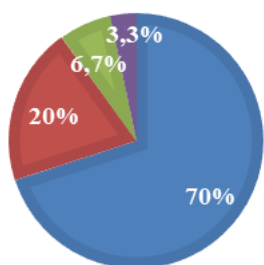
Một khác biệt đáng chú ý giữa hai nhóm đối tượng thể hiện ở nhận thức về giá trị làm thuốc của chè Shan cổ thụ. Tỷ lệ hộ dân địa phương cho rằng chè Shan cổ thụ có giá trị làm thuốc đạt 61,0%, trong khi tỷ lệ này ở nhóm cán bộ chỉ là 16,7%. Theo cộng đồng người Tày, búp và lá chè Shan cổ thụ không chỉ được sử dụng làm nước uống hằng ngày mà còn có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, hỗ trợ tiêu hóa và giảm mệt mỏi. Những tri thức này được tích lũy thông qua quá trình sử dụng lâu dài và truyền lại qua nhiều thế hệ, phản ánh vai trò quan trọng của tri thức y

học dân gian trong đời sống cộng đồng.

Nguồn thông tin mà người dân tiếp cận về cây chè Shan cổ thụ chủ yếu thông qua kinh nghiệm thực tế và sự truyền dạy trong gia đình, dòng họ. Kết quả này được thể hiện cụ thể ở Hình 1, cho thấy phần lớn người dân biết đến cây chè Shan cổ thụ thông qua quá trình lao động sản xuất và sinh hoạt gắn với rừng. Điều này phản ánh vai trò nổi bật của con đường truyền thừa tri thức phi chính thức trong hình thành và duy trì hệ tri thức bản địa tại cộng đồng địa phương.

Các ghi nhận này phù hợp với nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về chè (*Camellia sinensis*), cho thấy lá chè chứa các hợp chất sinh học có hoạt tính như polyphenol, catechin, flavonoid và caffeine, có tác dụng chống oxy hóa, kháng viêm và hỗ trợ chức năng chuyển hóa [3, 11]. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng chè sinh trưởng trong điều kiện tự nhiên vùng núi cao, ít chịu tác động thâm canh thường có hàm lượng polyphenol và catechin cao hơn so với chè trồng đại trà, qua đó làm gia tăng tiềm năng dược liệu và giá trị sức khỏe [4]. Điều này phần nào lý giải vì sao cộng đồng địa phương đánh giá cao giá trị làm thuốc của chè Shan cổ thụ và duy trì tập quán sử dụng chè như một dạng “thuốc uống hằng ngày”. Ngược lại, hệ thống tri thức quản lý - kỹ thuật hiện hành mới chủ yếu tiếp cận chè Shan cổ thụ dưới góc độ tài nguyên sinh học và sản phẩm chè, trong khi chưa ghi nhận đầy đủ và hệ thống hóa các giá trị y học dân gian. Khoảng cách rõ rệt trong nhận thức giữa hai nhóm không chỉ phản ánh sự khác biệt giữa tri thức bản địa và tri thức khoa học, mà còn cho thấy tiềm năng nghiên cứu và ứng dụng còn bỏ ngỏ đối với chè Shan cổ thụ. Từ góc độ quản lý lâm nghiệp, kết quả này gợi ý rằng việc tích hợp tri thức bản địa về giá trị làm thuốc vào các chương trình bảo tồn và phát triển chè Shan cổ thụ có ý nghĩa quan trọng. Việc ghi nhận và kiểm chứng khoa học

■ Thấy trực tiếp ■ Qua người khác
■ Qua báo đài ■ Qua đồn đại



Hình 1. Nguồn thông tin tiếp cận cây chè Shan cổ thụ từ người dân

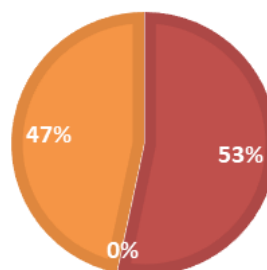
Mặc dù còn tồn tại những khác biệt về chiều sâu tri thức và cách tiếp cận, cả hai nhóm đều

các kinh nghiệm dân gian không chỉ góp phần nâng cao giá trị sử dụng đa mục tiêu của loài cây này, mà còn tạo cơ sở để xây dựng các mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng, trong đó người dân địa phương giữ vai trò chủ thể trong bảo tồn tại chỗ, sử dụng hợp lý và phát huy giá trị nguồn gen chè Shan cổ thụ gắn với sinh kế bền vững.

Đối với khả năng nhân giống, cả hai nhóm đều cho rằng đây là một thách thức, với tỷ lệ lần lượt là 73,0% ở nhóm hộ dân và 66,7% ở nhóm cán bộ. Tuy nhiên, cách tiếp cận vấn đề có sự khác nhau: người dân dựa trên quan sát thực tế về khả năng tái sinh tự nhiên hạn chế của cây, trong khi cán bộ tiếp cận dưới góc độ kỹ thuật và tiềm năng áp dụng các biện pháp nhân giống hữu tính hoặc vô tính. Sự khác biệt này cho thấy tồn tại khoảng trống giữa tri thức bản địa và tri thức khoa học, đồng thời gợi mở nhu cầu kết hợp hai hệ tri thức trong nghiên cứu và bảo tồn loài.

Hình 2 phản ánh nhận thức khá thống nhất của người dân về khó khăn trong công tác nhân giống cây chè Shan cổ thụ. Phần lớn ý kiến cho rằng khả năng nhân giống là hạn chế hoặc gặp nhiều trở ngại, xuất phát từ đặc điểm sinh học của cây, điều kiện sinh thái đặc thù. Nhận định này cho thấy người dân đã có sự quan sát lâu dài đối với vòng đời và khả năng tái sinh của cây chè cổ thụ trong rừng tự nhiên.

■ Khó ■ Dễ ■ Trung bình



Hình 2. Ý kiến của người dân về khả năng nhân giống cây chè Shan cổ thụ

đạt mức đồng thuận tuyệt đối (100%) về sự cần thiết của công tác bảo tồn tại chỗ đối với quần

thể chè Shan cổ thụ Núi Bóng. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai các mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng, trong đó tri thức bản địa của người dân địa phương được xem là nguồn lực trung tâm, kết hợp với các giải pháp khoa học - kỹ thuật nhằm bảo tồn nguồn gen, duy trì sinh kế và phát huy giá trị văn hóa gắn với cây chè Shan cổ thụ.

Kết quả so sánh nhận thức giữa nhóm hộ dân và nhóm cán bộ cho thấy sự khác biệt rõ rệt về chiều sâu hiểu biết, trong đó cộng đồng địa phương sở hữu kiến thức gắn với thực hành và trải nghiệm lâu dài, đặc biệt về đặc điểm sinh thái và giá trị sử dụng của chè Shan cổ thụ. Những phát hiện này trực tiếp đáp ứng mục tiêu nghiên cứu về làm rõ vai trò bổ trợ của kiến thức địa phương so với tri thức quản lý - kỹ thuật hiện hành, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc tích hợp hai hệ tri thức trong công tác bảo tồn và quản lý loài tại khu vực nghiên cứu.

3.2. Tri thức bản địa trong khai thác, sử dụng cây chè Shan cổ thụ

3.2.1. Thu hái

Kết quả điều tra cho thấy cộng đồng người Tày tại khu vực Núi Bóng thu hái chè Shan cổ thụ từ 2 - 3 vụ/năm, trong đó vụ thu hái chính tập trung vào vụ xuân, trước tiết Thanh Minh (tháng 4 - 5 dương lịch). Theo 100% số hộ được phỏng vấn, đây là thời điểm búp và lá chè có chất lượng tốt nhất về hương vị và cảm quan. Hoạt động thu hái thường được tiến hành vào buổi sáng sớm, khi búp chè còn đọng sương.

Do cây chè Shan cổ thụ có chiều cao lớn (nhiều cây cao trên 20 m), người dân áp dụng hình thức thu hái thủ công bằng cách trèo cây hoặc cắt cành ở những vị trí khó tiếp cận, sau đó thu hái búp và lá non. Phụ nữ dân tộc Tày thường đảm nhiệm việc hái búp và lá chè, trong khi nam giới hỗ trợ các công việc liên quan đến leo trèo và cắt cành. Phương pháp hái phổ biến là hái "một tôm hai lá" hoặc "một tôm ba lá", sử dụng kỹ thuật hái bằng tay ("miệng hổ") nhằm hạn chế làm dập nát búp chè.



Hình 3. Búp và lá chè Shan cổ thụ Núi Bóng tại xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên

Khoảng cách giữa các lần thu hái được người dân điều chỉnh linh hoạt theo mùa vụ và điều kiện sinh trưởng của cây. Kết quả phỏng vấn cho thấy 100% người được hỏi nhận định chất lượng chè có sự khác biệt rõ rệt giữa các mùa. Búp chè thu hái vào vụ xuân được đánh giá có hương thơm mạnh hơn (81%), vị đậm hơn và dư vị ngọt kéo dài hơn so với chè thu hái vào vụ thu - đông. Người dân cũng ghi nhận vào mùa mưa ít, số lượng chồi giảm, lá nhỏ và khô hơn.

Kết quả điều tra phản ánh rõ tri thức bản địa của cộng đồng người Tày trong việc lựa chọn thời vụ và phương pháp thu hái phù hợp với chu

kỳ sinh trưởng của chè Shan cổ thụ. Việc tập trung thu hái vào vụ xuân và điều chỉnh khoảng cách giữa các lần hái cho thấy người dân có sự quan sát lâu dài về mối quan hệ giữa điều kiện khí hậu, sinh trưởng của cây và chất lượng búp chè. Nhận định này phù hợp với các nghiên cứu cho thấy chất lượng chè chịu ảnh hưởng mạnh của mùa vụ và điều kiện sinh thái [4, 9].

So với phương thức thu hái chè phổ biến hiện nay - thường hướng tới tăng năng suất và tần suất thu hái - tri thức bản địa nhấn mạnh việc duy trì sức sống lâu dài của cây chè cổ thụ, hạn chế tác động tiêu cực đến sinh

trưởng và tái sinh. Điều này cho thấy tri thức bản địa không chỉ mang giá trị kinh nghiệm mà còn hàm chứa tư duy quản lý tài nguyên theo hướng bền vững, có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu và suy giảm rừng tự nhiên.

3.2.2. Cách chế biến

Theo kết quả điều tra, cộng đồng người Tày tại khu vực nghiên cứu áp dụng phương pháp chế biến chè Shan cổ thụ thủ công truyền thống, gồm bốn công đoạn chính: làm héo, sao chè, vò chè và sao khô. Sau khi thu hái, búp chè được rải đều trên nong, nia hoặc sàn nhà sạch để làm héo tự nhiên trong điều kiện thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Theo 95% số hộ được phỏng vấn, thời gian làm héo kéo dài vài giờ, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và độ ẩm ban đầu của nguyên liệu.

Công đoạn sao chè được thực hiện bằng chảo gang đặt trên bếp củi, mỗi mẻ khoảng 2 - 3 kg chè. Người chế biến dùng tay trần hoặc dụng cụ đảo bằng tre (thanh tre vót mỏng) để đảo chè liên tục trong khoảng 10 - 15 phút cho đến khi búp chè mềm, chuyển màu xanh sẫm và không còn mùi hăng. Sau đó, chè được vò bằng tay theo chuyển động tròn nhằm làm dập nhẹ tế bào lá, tạo hình cánh chè và tăng hương vị. Quá trình vò thường được thực hiện hai lần, xen kẽ với sao chè ở nhiệt độ vừa phải. Công đoạn cuối cùng là sao khô, được thực hiện cho đến khi chè khô hoàn toàn, cánh chè xoắn chặt và có mùi thơm đặc trưng.

Quy trình chế biến chè Shan cổ thụ của cộng đồng người Tày thể hiện rõ tri thức bản địa dựa trên kinh nghiệm cảm quan và khả năng điều chỉnh linh hoạt các yếu tố nhiệt độ, thời gian và lực tác động. Không giống với các phương pháp chế biến công nghiệp dựa trên tiêu chuẩn hóa thiết bị và thông số kỹ thuật, phương pháp truyền thống cho phép người chế biến thích ứng với sự biến động của nguyên liệu tự nhiên - vốn không đồng nhất về kích thước, độ ẩm và độ già của lá.

Cách tiếp cận này góp phần bảo tồn hương vị đặc trưng của chè Shan cổ thụ và phản ánh vai trò quan trọng của tri thức bản địa trong duy trì bản sắc sản phẩm. Kết quả nghiên cứu phù

hợp với các nhận định cho rằng tri thức nông dân và kinh nghiệm địa phương có ý nghĩa lớn trong việc kiểm soát chất lượng và nâng cao giá trị sản phẩm nông - lâm nghiệp truyền thống [6, 9].

3.2.3. Cách bảo quản

Kết quả điều tra cho thấy người dân địa phương sử dụng nhiều hình thức bảo quản chè Shan cổ thụ khác nhau, bao gồm túi nilon, hộp sành, hộp sứ và ống tre hoặc nứa. Trong đó, phương pháp bảo quản bằng ống tre/nứa vẫn được cộng đồng người Tày duy trì. Chè sau khi chế biến được để nguội hoàn toàn, sau đó cho vào ống tre hoặc nứa, nén chặt và bịt kín miệng bằng các vật liệu tự nhiên. Các ống chè thường được đặt trên gác bếp - nơi có nhiệt độ ổn định và khói bếp lan tỏa thường xuyên.

Theo người dân, phương pháp này giúp chè giữ được hương vị lâu hơn và tạo mùi thơm đặc trưng khác biệt so với các hình thức bảo quản khác.

Phương pháp bảo quản chè bằng vật liệu tự nhiên phản ánh sự thích ứng của tri thức bản địa với điều kiện sinh thái và điều kiện sinh hoạt của cộng đồng miền núi. Không gian gác bếp và vật liệu tre, nứa không chỉ đáp ứng yêu cầu bảo quản trong điều kiện hạn chế về cơ sở vật chất mà còn góp phần hoàn thiện đặc tính cảm quan của sản phẩm chè Shan cổ thụ.

So với các phương thức bảo quản hiện đại chú trọng kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm, tri thức bản địa nhấn mạnh việc tận dụng nguồn lực sẵn có tại địa phương và gắn hoạt động bảo quản với không gian văn hóa - xã hội của cộng đồng.

Việc phân tích các khâu thu hái, chế biến và bảo quản cho thấy hệ thống kiến thức địa phương không tồn tại rời rạc mà hình thành một chỉnh thể thống nhất, phản ánh mối quan hệ hài hòa giữa con người và tài nguyên rừng. Kết quả này làm rõ mục tiêu nghiên cứu về nội dung và giá trị của tri thức cộng đồng trong khai thác và sử dụng bền vững chè Shan cổ thụ, đồng thời khẳng định tiềm năng ứng dụng các kinh nghiệm truyền thống vào các mô hình quản lý rừng và phát triển sinh kế dựa vào cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

4.1. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy những tri thức bản địa

tiêu biểu nhất của cộng đồng người Tày liên quan đến cây chè Shan cổ thụ bao gồm: (i) khả năng nhận biết và đánh giá chất lượng chè theo mùa vụ; (ii) kỹ thuật thu hái thủ công phù hợp với đặc điểm sinh thái của cây chè cổ thụ; (iii) quy trình chế biến truyền thống dựa trên kinh nghiệm cảm quan; (iv) phương pháp bảo quản chè bằng vật liệu tự nhiên. Đây là những tri thức được tích lũy qua nhiều thế hệ và có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của nguồn tài nguyên này.

Việc kết hợp tri thức bản địa với khoa học hiện đại có ý nghĩa then chốt trong bảo tồn và phát triển bền vững cây chè Shan cổ thụ. Tri thức bản địa cung cấp nền tảng thực tiễn và hiểu biết sâu sắc về sinh thái và giá trị sử dụng của loài, trong khi khoa học hiện đại hỗ trợ hoàn thiện các giải pháp về nhân giống, quản lý, tiêu chuẩn hóa sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Sự kết hợp này không chỉ góp phần bảo tồn nguồn gen quý hiếm mà còn mở ra cơ hội phát triển sinh kế và nâng cao giá trị kinh tế - văn hóa của chè Shan cổ thụ tại địa phương.

4.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy cộng đồng người Tày tại xã Đức Lương đang nắm giữ hệ thống tri thức bản địa có giá trị trong khai thác, sử dụng và bảo vệ cây chè Shan cổ thụ, cần ưu tiên bảo tồn và phát huy các tri thức này trong công tác quản lý và sử dụng bền vững loài cây. Các tri thức liên quan đến thời vụ thu hái, kỹ thuật thu hái thủ công, chế biến và bảo quản truyền thống cần được ghi chép, hệ thống hóa và lồng ghép vào các chương trình bảo tồn tại địa phương. Trên cơ sở sự đồng thuận cao về bảo tồn tại chỗ, cần xây dựng mô hình bảo tồn chè Shan cổ thụ dựa vào cộng đồng, trong đó người dân địa phương giữ vai trò chủ thể. Đồng thời, cần tiếp tục các nghiên cứu nhằm kiểm chứng cơ sở khoa học của kinh nghiệm dân gian, đặc biệt về giá trị làm thuốc và khả năng nhân giống, trên cơ sở kết hợp tri thức bản địa với khoa học hiện đại, góp phần bảo tồn nguồn gen và phát triển bền vững chè Shan cổ thụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lin X., Zhu H. & Yin D. (2022). Enhancing Rural Resilience in a Tea Town of China: Exploring Tea Farmers' Knowledge Production for Tea Planting, Tea Processing and Tea Tasting. *Land*. 11(4): 1 - 18.
- [2]. Pham Thi Phuong Thai, Nguyen Thi Hong Vien, Mai Thi Lan Anh, Pham Anh Nguyen & Lu Me Mu (2023). Indigenous Knowledge in Exploiting and Using Forest Resources of the Ha Nhi People in Ka Lang Community, Muong Te district, Lai Chau province, Vietnam. *International Journal of Innovative Research in Multidisciplinary Education*. 2: 266-271.
- [3]. Witharana L., C.D., Curio J., Burman A. (2025). Traditional ecological knowledge in High Mountain Asia: A pathway to climate resilience in agriculture amidst changing climates. *Advances in Climate Change Research*. 16: 167-182.
- [4]. Yang H., S.K., Wang J., Wang Q. & Zhang, W. (2024). Indigenous knowledge in the sustainable management of a biodiversity-based millennium-old tea forest in the highlands of Yunnan province, Southwestern China. *Biodiversity*. 25: 142-152.
- [5]. Cabrera C., Artacho R. & Giménez R. (2006). Beneficial effects of green tea—A review. *Journal of the American College of Nutrition*. 25(2): 79–99.
- [6]. Nguyễn Thị Phương Loan (2016). Nghiên cứu sinh thái nhân văn làng nghề sản xuất chè Shan Tuyết tại xã Nà Chì, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Các Khoa học Trái đất và Môi trường*. 32: 267-273.
- [7]. Šumane S., K.I., Knickel K., Strauss A., Tisenkopfs T., des los Rios I., Rivera M., Chebach T. & Ashkenazy A. (2018). Local and farmers' knowledge matters! How integrating informal and formal knowledge enhances sustainable and resilient agriculture. *Journal of Rural Studies*. 59: 232-241.
- [8]. Agrawal A. (1995). Dismantling the divide between indigenous and scientific knowledge. *Development and Change*. 26: 413-439.
- [9]. Ahmed S., S.J.R., Orians C., Griffin T., Matyas C., Robbat A., Cash S., Xue D., Long C., Unachukwu U., Buckley S., Small D. & Kennelly E. (2014). Effects of Extreme Climate Events on Tea (*Camellia sinensis*) Functional Quality Validate Indigenous Farmer Knowledge and Sensory Preferences in Tropical China. *Plos One*. 9 (10): 1 - 13.
- [10]. Dương Quỳnh Phương, Nguyễn Xuân Trường & Đồng Duy Khánh (2022). Tri thức bản địa và tri thức khoa học trong phát triển nông, lâm nghiệp ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*. 227(17): 110-117.